

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 487/2021/HC-PT

Ngày 16/12/2021

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 42/2021/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2021, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 14/2020/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1958; bà Phạm Thị X, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Đặng Thị Bạch Y, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 206, tổ 10, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang – Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2019 tại Văn phòng công chứng Mỹ Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người khởi kiện: Ông Võ Trọng Kỳ, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 23, Đường 30/4, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 279 Nguyễn Chí Công, Khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 23, Đường 30/4, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 279 Nguyễn Chí Công, Khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi Trường huyện C (xin vắng mặt);

2.5. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Quang - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.2. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1951 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 10, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lý Thị Ngọc M, sinh năm 1969 - Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2021 (có mặt);

Địa chỉ: 007, Lô 7, chung cư N, Phường 7, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Chị Đặng Thị Bạch Y, sinh năm 1980;

3.4. Chị Đặng Thị Diệu H, sinh năm 1982;

3.5. Anh Nguyễn Đình T sinh năm 1976;

3.6. Chị Đặng Thị Bạch H, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: số 206, tổ 10, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người kháng cáo: Ông Đặng Văn H, bà Phạm Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Đặng Văn H, bà Phạm Thị X là bà Đặng Thị Bạch Y trình bày:*

Trước năm 1965, gia đình ông H có xây một căn nhà và bồn trầu với diện tích 1,6m x 2m trên phần đất 194,76m² tại địa chỉ: Số 206, tổ 10, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là của địa chủ Bảo, khi ông Bảo chết thì phần đất này thuộc quyền quản lý của gia đình ông H, gia đình ông đã sử dụng ổn định từ năm 1975 đến nay không có tranh chấp. Năm 1992, bà Phạm Thị Hạnh (liền kề) phát sinh tranh chấp và cho rằng gia đình ông đã lấn chiếm phần đất có diện tích 2,88m² để xây bồn trầu.

Ngày 01/02/1993, UBND thị trấn C ra Quyết định số 02/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Phạm Thị Hạnh và bà Phạm Thị X với nội dung “*Buộc bà Phạm Thị X phải tháo dỡ toàn bộ phần mé trái hiên nhà diện tích 2,88m² tọa lạc tại: Khu 4, thị trấn C trả lại cho bà Phạm Thị Hạnh sử dụng*”. Sau đó, bà H khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện C ra Bản án số 50/DS-ST ngày 26/8/1993 với nội dung hủy Quyết định số 02/QĐ-UB, ngày 01/02/1993 của UBND thị trấn C về việc buộc bà Phạm Thị X phải tháo dỡ toàn bộ phần mé trái nhà để trả đất lại cho bà Phạm Thị Hạnh sử dụng. Sau đó, bà H kháng cáo và được Tòa án tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng Bản án số 118/DS-PT ngày 13/7/1994 với nội dung chấp nhận kháng cáo của bà H, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 50/DS-ST, ngày 26/8/1993 của Tòa án nhân dân huyện C.

Năm 2001, gia đình ông H tiến hành làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận. Tại Biên bản đo đạc ngày 30/11/2001, bà Lê Thị Hà (mẹ bà H) người quản lý phần đất của bà H và các chủ đất tiếp giáp đã thống nhất về ranh giới và đồng ý ký tên vào văn bản. Năm 2012, gia đình ông H tiến hành sửa chữa lại căn nhà, sau khi sửa chữa xong thì gia đình bà H tiếp tục tranh chấp phần đất có diện tích 2,88m². Ngày 24/9/2013, UBND huyện C ra Quyết định số 4567/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị X, ông, bà đã khiếu nại quyết định trên. Ngày 16/12/2013, UBND huyện C ra Quyết định số 9864/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn H.

Ngày 25/12/2013, UBND tỉnh Tiền Giang ra Quyết định số 3513/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cấp cho bà Phạm Thị X, ông Đặng Văn H. Sau đó, ông, bà đã làm đơn khiếu nại quyết định trên. Ngày 11/7/2014, UBND tỉnh Tiền Giang ra Quyết định số 1674/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn H. Ngày 04/7/2016, UBND huyện C ra Công văn số 1339/UBND về việc thực hiện Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 01/02/1993 của UBND thị trấn C. Ngày 04/12/2018, UBND huyện C ra quyết định thu hồi giấy phép xây dựng số 6615/QĐ-UBND. Ngày 16/01/2019, UBND huyện C ra Quyết định hủy giấy phép xây dựng số 39/QĐ-UBND. Sau đó, ông H có làm đơn khiếu nại Quyết định số 02/QĐ-UB, ngày 01/02/1993 của UBND thị trấn C. Tại đơn khởi kiện ông H, bà X yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

- Hủy Quyết định số 9864/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định số 1674/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

- Hủy Quyết định thu hồi giấy phép xây dựng số 6615/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định hủy giấy phép xây dựng số 39/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C;

Ngày 25/6/2019 ông Đặng Văn H, bà Phạm Thị X có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Hủy Quyết định số 02/QĐ.UB ngày 01/2/1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn C về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất.

+ Ngày 08/7/2019 ông Đặng Văn H, bà Phạm Thị X có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch UBND huyện C trình bày: Năm 1993, phía gia đình bà Đặng Thị H và bà Phạm Thị X (sử dụng đất liền kề) phát sinh tranh chấp phần đất 2,88m² và được Ủy ban nhân dân thị trấn C giải quyết bằng Quyết định số 02/QĐ.UB ngày 01/02/1993, nội dung quyết định như sau: “*Nay buộc chị Phạm Thị X phải tháo dỡ toàn bộ phần mé trái hiên nhà diện tích 2,88m², tọa lạc khu 4, thị trấn C trả lại cho chị Phạm Thị Hạnh sử dụng*”. Khi quyết định có hiệu lực thì gia đình ông H và bà X không chấp hành và cũng không có khiếu nại. Về phía bà H thì sau khi có quyết định đã không đề nghị ngành chức năng thực hiện nội dung quyết định mà để gia đình bà X tiếp tục sử dụng cho đến nay. Ngày 26/2/2003, bà Phạm Thị X làm đơn xin xác định đất thổ cư. Ngày 25/3/2003, Địa chính tiến hành đo đạc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng phần đất bà X đang sử dụng. Trong đó, có phần diện tích 2,88m² (phần dôi ra phía Nam giáp đất bà Đặng Thị H - khi đo đạc hiện trạng do bà Lê Thị Hà là

mẹ ruột bà H ký tên xác nhận ranh đất) thuộc quyền sử dụng của bà Đặng Thị H. Vào thời điểm đo đạc cấp giấy cho bà Phạm Thị X, bà Đặng Thị H không có mặt tại địa phương nên không có ý kiến gì về việc đo đạc xin cấp giấy của bà Phạm Thị X. Phần đất giáp ranh phía Nam với bà X, theo hồ sơ địa chính thuộc thửa số 158, thuộc quyền sử dụng của bà H (do mua lại của bà Điền Thị Chót). Tại thời điểm đo đạc, xác nhận ranh giới do bà Lê Thị Hà là mẹ bà H ký thay. Đồng thời, khi đo đạc thành lập bản đồ địa chính năm 2001 thửa đất của bà H cũng do bà Hà đại diện kê khai đăng ký.

Qua kiểm tra thì bà Phạm Thị X được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01419/QSDĐ, cấp ngày 24/11/2004, với số thửa 140, diện tích: 198,7m², loại đất: T, bao gồm cả phần đất 2,88m² (tranh chấp). Xét về trình tự thời gian thì bà Phạm Thị X có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 02/5/2002. Tuy nhiên, đến ngày 24/11/2004 bà X mới được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ bản đồ địa chính thành lập năm 2001 cho thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho bà X cũng bao trùm cả phần đất 2,88m² đã có quyết định giải quyết thuộc quyền sử dụng của bà H.

Như vậy, phần đất 2,88m² mà bà X kê khai đăng ký và được cấp giấy là thuộc quyền sử dụng của bà Đặng Thị H, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn C công nhận cho bà Đặng Thị H tại Quyết định số 02/QĐ.UB ngày 01/02/1993. Tuy nhiên, bà X và ông H không thực hiện nội dung quyết định, giao trả phần diện tích 2,88m² cho bà H mà vẫn tiếp tục sử dụng và kê khai đăng ký cấp giấy. Do đó, ngày 21/5/2013, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh có Báo cáo số 1836/BC-STNMT đã nhận định: Việc bà X tự ý kê khai phần diện tích 2,88m² đất tranh chấp đã có quyết định giải quyết công nhận cho bà H là không phù hợp quy định tại điểm a, khoản 2, Chương 2 Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy định diện tích đất kê khai đăng ký và đề nghị UBND huyện chỉ đạo Thanh tra cùng cấp thẩm tra có ý kiến kết luận đối với việc cấp GCN-QSDĐ số 01419, do UBND huyện C cấp ngày 24/11/2004.

Ngày 01/7/2013, Thanh tra huyện có Báo cáo số 68/BC-TT, kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện cho bà X đã trùm lên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà H là 2,88m². Đồng thời, kiến nghị Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi GCN-QSDĐ số 01419, ngày 24/11/2004 đã cấp cho bà Phạm Thị X để điều chỉnh lại diện tích đã cấp trùm lên diện tích đất của bà Đặng Thị H là 2,88m² là phù hợp quy định của pháp luật. Ngày 16/9/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị X. Việc ông H khiếu nại thửa 158 của bà H là nhận chuyển nhượng lại của bà Điền Thị Chót, năm 2005 bà H được

UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Bởi vì hiện nay thửa đất 158 nêu trên chưa được giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H (bà Hà là mẹ bà H đại diện đứng tên trong hồ sơ địa chính).

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị X là đúng theo quy định của pháp luật. Không đồng ý nội dung Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của UBND huyện, ông Đặng Văn H khiếu nại Quyết định trên.

Đến ngày 16/12/2013, UBND huyện ban hành Quyết định số 9864/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn H. Nội dung Quyết định bác đơn khiếu nại của ông H. Đồng thời, UBND tỉnh cũng có Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 về việc bác đơn của ông Đặng Văn H về khiếu nại việc UBND huyện ban hành Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 24/9/2013.

Căn cứ Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh về thu hồi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cấp cho Phạm Thị X và ông Đặng Văn H, địa chỉ số 206, đường tỉnh 875, khu 4, thị trấn C, huyện C (hồ sơ gốc số 13475, do UBND tỉnh cấp ngày 28/8/2003) và Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của UBND huyện C về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Phạm Thị X. UBND huyện C ban hành Quyết định số 6615/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 về thu hồi giấy phép xây dựng số 248/GPXD ngày 28/5/2012 của UBND huyện C cấp cho ông Đặng Văn H. Lý do thu hồi: Ông Đặng Văn H xây dựng nhà trên phần đất đã bị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do hết thời gian thực hiện Quyết định số 6615/QĐ-UBND, ông Đặng Văn H không giao nộp giấy phép xây dựng trên. Ngày 16/01/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND về hủy giấy phép xây dựng số 248/GPXD ngày 28/5/2012 của UBND huyện C cấp cho ông Đặng Văn H.

Không đồng ý nội dung Quyết định số 6615/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 và Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND huyện C. Ông Đặng Văn H tiếp tục khiếu nại 2 Quyết định trên. Trên cơ sở thẩm tra, xác minh của Thanh tra huyện, UBND huyện ban hành Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 về việc bác đơn của ông Đặng Văn H.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức cưỡng chế, buộc hộ ông Đặng Văn H, vợ Phạm Thị X giao lại diện tích đất 2,88m² cho hộ bà Đặng Thị H theo Quyết định số 02/QĐ.UBND ngày 01/02/1993 của UBND thị trấn C. UBND huyện ban hành Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 về việc buộc bà Phạm Thị X, ông Đặng Văn H tháo dỡ phần xây dựng trên diện tích 2,88m² của bà Phạm Thị Hạnh và trả lại 2,88m² cho bà H.

Đến ngày 09/4/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 642/QĐ-UBND về cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 02/QĐ.UB ngày 01/02/1993 của UBND thị trấn C. Hiện các ngành liên quan đang hoàn chỉnh hồ sơ để thực hiện cưỡng chế theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

Như vậy, vụ việc tranh chấp giữa bà Đặng Thị H với ông Đặng Văn H, bà Phạm Thị X cùng ngụ khu 4, thị trấn C, huyện C tranh chấp phần đất 2,88m² đã được UBND huyện, UBND tỉnh xem xét và giải quyết bằng các Quyết định liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, việc ông Đặng Văn H, bà Phạm Thị X yêu cầu hủy các Quyết định của UBND tỉnh, UBND huyện như theo nội dung Thông báo số 23/TLST-HC ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 14/2020/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 3; Điều 30; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại tố cáo năm 2011; Căn cứ Điều 212 Luật đất đai năm 1987; Căn cứ khoản 3 Điều 100, Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ.CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X, ông Đặng Văn H yêu cầu hủy:

- Hủy Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

- Hủy Quyết định số 9864/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định số 1674/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

- Hủy Quyết định thu hồi giấy phép xây dựng số 6615/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định hủy giấy phép xây dựng số 39/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định số 642/QĐ.UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Hủy Quyết định số 02/QĐ.UB ngày 01/2/1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn C về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Hủy Quyết định số 1719/ ngày 03/7/2019 về việc Cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02920 cấp ngày 17/7/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Đặng Thị H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2020 ông Đặng Văn H, bà Phạm Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo. Người bảo vệ quyền lợi cho người kháng cáo cho rằng nhà đất được cấp giấy chứng nhận cho ông H, bà X đúng theo quy định của pháp luật; bà Hà là mẹ của bà H ký giáp ranh nên UBND hủy các Quyết định trên để trả lại đất cho bà H là không đúng gây thiệt hại cho ông H, bà X. Do đó, đề nghị sửa án theo hướng hủy các quyết định trên; ông H, bà X trả giá trị đất cho bà H.

Bà Lý Thị Ngọc M đại diện cho bà Đặng Thị H tham gia tranh tụng như sau: Việc tranh chấp quyền sử dụng đất 2,88m² giữa hai bên đã được UBND thị trấn C giải quyết bằng Quyết định số 02/1993 nhưng gia đình bà X không thực hiện việc trả lại đất. Tòa cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án, hiện nay Quyết định số 02/1993 giải quyết tranh chấp đất giữa hai bên đã có hiệu lực, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật; đề nghị bác đơn kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn H, bà Phạm Thị X đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Quyết định số 02/QĐ.UB ngày 01/2/1993 của UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết tranh chấp 2,88m² đất, tọa lạc tại khu 4, thị trấn C giữa bà H và bà X, có nội dung: “*Buộc chị Phạm Thị X phải tháo dỡ toàn bộ*

phần mé trái hiên nhà diện tích 2,88m² tọa lạc khu 4, thị trấn C trả lại cho bà Phạm Thị Hạnh sử dụng”. Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND thị trấn C giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà H và bà X là đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1987 là có căn cứ. Đến nay, Quyết định số 02/QĐ.UB ngày 01/2/1993 của UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang vẫn còn hiệu lực.

[2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 4567/QĐ.UB ngày 24/9/2013 của UBND huyện C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Phạm Thị X; Quyết định số 3513/QĐ.UB ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của hộ bà Phạm Thị X:

Ngày 28/8/2003, bà Phạm Thị X, ông Đặng Văn H được UBND tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất. Năm 2004, bà Phạm Thị X được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01419/QSDĐ ngày 24/11/2004 với số thửa 140, diện tích 198,7m², tờ bản đồ 07, loại đất T (bao gồm phần đất 2,88m² đã giải quyết tại Quyết định số: 02/QĐ.UB). Căn cứ Báo cáo số 68/BC-TT của Thanh tra huyện C, xác định UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 198,7m² cho bà X, trong đó có cả 2,88m² đất của bà H; UBND huyện C ban hành Quyết định 4567 thu hồi giấy chứng nhận đất cấp cho bà Phạm Thị X; UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 3513 thu hồi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị X là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng quy định tại điểm a khoản 3 Chương II Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001; khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ.Cp ngày 19/10/2009 của Chính Phủ về định chế thu hồi đối với các loại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Cụ thể: *“Thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật thực hiện như sau: Trường hợp giấy chứng nhận đã cấp mà có văn bản của cơ quan điều tra; thanh tra kết luận là giấy chứng nhận đã cấp trái với qui định pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm xem xét nếu kết luận đó là đúng thì ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp”*.

[3]. Xét tính hợp pháp Quyết định 9864/QĐ.UB ngày 16/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định 1674/QĐ.UB ngày 11/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang và Quyết định 1675/QĐ.UB ngày 11/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết khiếu nại lần một và lần hai của ông H, bà X là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 21, Điều 29, Điều 30 Luật khiếu nại năm 2011; bảo đảm quyền lợi của các bên đã được giải quyết tranh chấp đất đai tại Quyết định số 02/QĐ.UB ngày 01/2/1993 của UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[4]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 6615/QĐ.UB ngày 04/12/2018;

Quyết định số 39/QĐ.UB ngày 16/01/2019; Quyết định số 582/QĐ.UB ngày 28/3/2019; Quyết định số 642/QĐ.UB ngày 09/4/2019; Quyết định số 1719/QĐ.UB ngày 103/7/2019: Đối chiếu những căn cứ nêu trên thì các quyết định của Cơ quan hành chính nhằm giải quyết việc cưỡng chế, thu hồi 2,88m² đất tranh chấp để trả lại cho bà H, được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

[5]. Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 26/12/2019 thể hiện phần diện tích tranh chấp 2,88m² hiện nay ông H, bà X đã xây dựng nhà vệ sinh (liên thông từ tầng 2 xuống tầng trệt) gắn liền căn nhà số 206 có kết cấu móng cột bê tông, vách tường, sàn bê tông. Căn cứ Thông báo số 57/TB.UBND ngày 28/2/2019 của UBND tỉnh Tiền Giang và Công văn số 63/UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Tiền Giang “*giao UBND huyện C vận động gia đình ông H chấp hành việc giao trả phần diện tích 2,88m² cho bà Đặng Thị H, trường hợp ông H không chấp hành, UBND huyện xây dựng phương án thực hiện việc tổ chức cưỡng chế giao đất cho bà H*”. UBND huyện C đã tổ chức đối thoại và tổ chức kế hoạch thực hiện cưỡng chế; UBND thị trấn đã vận động, thuyết phục và ra các thông báo thực hiện quyết định cưỡng chế đối với gia đình ông H, bà X. UBND huyện C đã ban hành thông báo số 27/TB.UB ngày 01/4/2019 về việc hỗ trợ bồi thường cho ông H, bà X chi phí tháo dỡ phần diện tích 2,88m². Ngày 02/4/2019 Ủy ban nhân dân huyện C tổ chức đối thoại vận động tuyên truyền gia đình ông H, bà X thực hiện tháo dỡ nhưng gia đình ông H, bà X vẫn không chấp hành. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các quyết định bị kiện và có liên quan trên là đúng pháp luật là phù hợp.

[6]. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản đề nghị UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang xác định các Quyết định trên có thi hành được không; khi thi hành có ảnh hưởng làm thiệt hại tài sản của gia đình ông H, bà X không và được trả lời tại Công văn số 1540/UBND-NC ngày 28/6/2021 đã xác định phần diện tích 2,88m² ông H và bà X sử dụng xây Tolet, có phương án tháo dỡ, đảm bảo khi tháo dỡ không ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà. Đây là căn cứ để Tòa cấp phúc thẩm xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có cơ sở và đảm bảo thi hành án.

[7]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của người bảo vệ, người đại diện cho người kháng cáo không phù hợp nên không được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; giữ y bản án sơ thẩm.

Ông H và bà X là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Văn H, bà Phạm Thị X; giữ y Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2020/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 18, Điều 21, Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại tố cáo năm 2011; Căn cứ Điều 12 Luật đất đai năm 1987; Căn cứ khoản 3 Điều 100, Điều 105, điểm đ khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ.CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X, ông Đặng Văn H yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;
- Hủy Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Hủy Quyết định số 9864/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;
- Hủy Quyết định số 1674/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Hủy Quyết định thu hồi giấy phép xây dựng số 6615/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C;
- Hủy Quyết định hủy giấy phép xây dựng số 39/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C;
- Hủy Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;
- Hủy Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.
- Hủy Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 01/2/1993 của Ủy ban nhân dân thị trấn C về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất.
- Hủy Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 về việc Cường chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02920 cấp ngày 17/7/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Đặng Thị H.

Về án phí:

- Ông H được miễn án phí nên hoàn lại 300.000 đồng án phí theo biên lai thu số 00886 16/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

- Bà X phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00885 ngày 16/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đặng Văn H và bà Phạm Thị X được miễn. Hoàn trả cho ông Đặng Văn H và bà Phạm Thị X mỗi người số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001435, 0001436 ngày 23/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự (6);
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý